

## **KẾ HOẠCH**

### **Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2020**

Thực hiện Kế hoạch số 189/KH-UBND ngày 14/12/2016 của UBND tỉnh về việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020; Kế hoạch số 43/KH-UBND ngày 19/02/2020 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2020 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế; Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 02/01/2020 của UBND huyện về việc triển khai thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020; UBND huyện ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững huyện Phú Lộc năm 2020, với những nội dung:

#### **I. CHỈ TIÊU**

**1. Mục tiêu:** Thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp để giảm nghèo bền vững, hạn chế tái nghèo; cải thiện đời sống, tăng thu nhập, tạo điều kiện cho người nghèo tiếp cận thuận lợi các dịch vụ xã hội cơ bản, phấn đấu đạt chỉ tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo, góp phần hoàn thành mục tiêu giảm nghèo giai đoạn 2016-2020.

#### **2. Chỉ tiêu:**

a) Phấn đấu tỷ lệ hộ nghèo còn 4,1%, tương ứng giảm 0,62% so với năm 2019 (*kèm theo phụ lục chỉ tiêu phấn đấu giảm nghèo năm 2020*);

b) Đến cuối năm 2020, không còn các hộ có thành viên thuộc đối tượng chính sách người có công với cách mạng thuộc diện hộ nghèo theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều giai đoạn 2016-2020;

c) 100% các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới và xã đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới vào năm 2020 có tỷ lệ hộ nghèo dưới 5%;

d) 100% hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo có nhu cầu được tiếp cận nguồn vốn tín dụng ưu đãi từ Ngân hàng Chính sách xã hội theo quy định;

e) Đảm bảo 100% người thuộc hộ nghèo; hộ cận nghèo; người dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; người đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn được cấp thẻ bảo hiểm y tế theo quy định;

f) 100% học sinh, sinh viên thuộc hộ nghèo là người đồng bào dân tộc thiểu số; học sinh, sinh viên các đối tượng chính sách... được miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và các chính sách khác về giáo dục theo quy định;

g) Đảm bảo 100% hộ nghèo, người nghèo có nhu cầu trợ giúp pháp lý, được trợ giúp miễn phí, tạo điều kiện cho người nghèo hiểu biết quyền, nghĩa vụ, chủ động tiếp cận các chính sách trợ giúp của Nhà nước để vươn lên thoát nghèo;

h) Đảm bảo 100% lao động thuộc hộ nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số được tiếp cận chính sách dạy nghề, tạo việc làm khi có nhu cầu;

i) 100% cán bộ làm công tác giảm nghèo cấp xã, thôn trưởng, tổ trưởng và cán bộ đoàn thể được tập huấn về kiến thức, kỹ năng quản lý và tổ chức thực hiện chương trình giảm nghèo; về giám sát đánh giá chương trình giảm nghèo có sự tham gia của người dân.

## II. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI

**1. Đối tượng:** Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; ưu tiên hộ nghèo là người dân tộc thiểu số, hộ nghèo do phụ nữ làm chủ hộ.

**2. Phạm vi:** Chương trình được thực hiện trên phạm vi toàn huyện; ưu tiên tập trung đầu tư các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển; các thôn/bản đặc biệt khó khăn vùng dân tộc thiểu số.

## III. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

### 1. Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2020:

Căn cứ Quyết định số 3378/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020, giao kế hoạch vốn năm 2020 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia để thực hiện. Tổng nguồn vốn Trung ương phân bổ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2020 là **11.940 triệu đồng** (vốn đầu tư phát triển 11.768 triệu đồng, vốn sự nghiệp 172 triệu đồng), thực hiện các dự án thành phần sau:

#### a) Dự án 1- Chương trình 30a: 9.890 triệu đồng

\* Tiêu dự án 2: Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo: 8.090 triệu đồng.

\* Tiêu dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo: 1.800 triệu đồng.

\* Tiêu dự án 4: Hỗ trợ cho lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài: ngân sách được phân bổ cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh trực tiếp thực hiện tiêu dự án này.

#### b) Dự án 2: Chương trình 135: 1.630 triệu đồng.

\* Tiêu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng các thôn đặc biệt khó khăn: 930 triệu đồng.

\* Duy tu bảo dưỡng: 650 triệu đồng.

\* Tiêu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn thôn đặc biệt khó khăn: 50 triệu đồng.

**c) Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn các xã ngoài Chương trình 30a và Chương trình 135: 400 triệu đồng.**

**d) Dự án 5: Nâng cao năng lực và giám sát đánh giá:** 20 triệu đồng, phân bổ cho địa phương để thực hiện hoạt động nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác giảm nghèo các cấp và giám sát đánh giá chương trình.

## **2. Các chính sách giảm nghèo chung:**

a) Hỗ trợ sản xuất, dạy nghề, tạo việc làm cho người nghèo:

- Tạo điều kiện thuận lợi cho người nghèo tiếp cận các nguồn vốn, gắn với việc hướng dẫn cách làm ăn, khuyến nông, khuyến công và chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, công nghệ vào sản xuất; hỗ trợ đất ở, đất sản xuất đối với hộ nghèo theo quy định; thực hiện có hiệu quả chính sách tín dụng ưu đãi đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, nhất là hộ có người khuyết tật, chủ hộ là phụ nữ; xây dựng và nhân rộng các mô hình sinh kế giảm nghèo bền vững. Hỗ trợ kết nối người nghèo với thị trường thông qua phát triển các đơn vị cung cấp dịch vụ sản xuất và tiêu thụ sản phẩm đối với hộ nghèo.

- Thực hiện tốt chính sách đào tạo nghề, tư vấn giới thiệu việc làm cho lao động nông thôn, nhất là lao động nghèo; ưu tiên nguồn lực đầu tư cơ sở trường học, lớp học, thiết bị, đào tạo giáo viên dạy nghề; gắn dạy nghề với tạo việc làm đối với lao động nghèo. Các địa phương, đoàn thể vận động doanh nghiệp bảo trợ, nhận người nghèo vào làm việc để có thu nhập ổn định.

- Thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi để lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài khi có nhu cầu, đặc biệt là người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ dân tộc thiểu số.

b) Hỗ trợ giáo dục và đào tạo.

- Thực hiện có hiệu quả chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập đối với học sinh nghèo ở các cấp, bậc học theo quy định hiện hành; tiếp tục thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi đối với học sinh, sinh viên và các chính sách khác, nhất là sinh viên thuộc hộ nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Ưu tiên đầu tư để đạt chuẩn trường, lớp học ở các thôn, bản đặc biệt khó khăn.

c) Hỗ trợ y tế:

- Thực hiện có hiệu quả chính sách cấp Bảo hiểm y tế cho người nghèo, người cận nghèo; người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

- Thực hiện có hiệu quả chính sách hỗ trợ khám chữa bệnh cho người nghèo theo quy định tại Quyết định số 39/2013/QĐ-UB ngày 24/9/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

d) Hỗ trợ nhà ở:

- Thực hiện có hiệu quả và đạt chỉ tiêu hỗ trợ nhà ở phòng, tránh bão, lụt khu vực miền trung theo Quyết định số 48/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 33/2014/QĐ-Ttg ngày 10/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo.

- Tiếp tục vận động nguồn lực xóa nhà tạm cho hộ nghèo ở khu vực nông thôn, miền núi để cải thiện nhà ở, ưu tiên nguồn lực xã hội hóa nhằm giúp một số hộ còn khó khăn thật sự về nhà ở.

e) Hỗ trợ người nghèo tiếp cận các dịch vụ trợ giúp pháp lý:

- Thực hiện có hiệu quả chính sách trợ giúp pháp lý miễn phí cho người nghèo theo Quyết định số 59/2012/QĐ-TTg ngày 24/12/2012 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách trợ giúp pháp lý cho người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số tại các xã nghèo giai đoạn 2012-2020. Tạo điều kiện cho người nghèo hiểu biết quyền, nghĩa vụ của mình, chủ động tiếp cận các chính sách trợ giúp của Nhà nước, vươn lên thoát nghèo.

- Tiếp tục tổ chức tập huấn bồi dưỡng ý thức chấp hành pháp luật, xóa dần các hủ tục lạc hậu nhằm tập trung phát triển sản xuất, ổn định cuộc sống.

f) Hỗ trợ người nghèo hưởng thụ văn hoá, thông tin: Tổ chức thực hiện tốt Chương trình mục tiêu quốc gia đưa thông tin về cơ sở miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới; đa dạng hoá các hoạt động truyền thông, giúp người nghèo tiếp cận các chính sách giảm nghèo, phổ biến các mô hình giảm nghèo có hiệu quả cao, gương thoát nghèo bền vững.

g) Các chính sách an sinh xã hội khác: Thực hiện có hiệu quả chính sách trợ giúp, trợ cấp cho các đối tượng bảo trợ xã hội tại cộng đồng; chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo, hộ bảo trợ xã hội và các chính sách khác theo quy định.

### **3. Các chính sách giảm nghèo đặc thù**

Tập trung thực hiện hỗ trợ cho các hộ nghèo có thành viên thuộc đối tượng chính sách ưu đãi người có công theo tinh thần chỉ đạo của Ủy ban nhân dân huyện tại Kế hoạch số 4199/KH-UBND ngày 20/11/2019 về xóa nghèo cho hộ nghèo có thành viên người có công đến cuối năm 2020.

## **IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP**

**1.** Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, Chính quyền về chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về công tác giảm nghèo, làm cho mọi người, mọi cấp, mọi ngành nhận thức đầy đủ về công tác này.

**2.** Đẩy mạnh tuyên truyền mục tiêu giảm nghèo sâu rộng đến các cấp, các ngành, các tầng lớp dân cư và người nghèo nhằm thay đổi và chuyển biến nhận thức trong giảm nghèo, khơi dậy ý chí chủ động, vươn lên của người nghèo, tiếp nhận và sử dụng có hiệu quả chính sách và nguồn lực hỗ trợ của Nhà nước, của cộng đồng để thoát nghèo bền vững.

**3.** Tổ chức thực hiện tốt, có hiệu quả các dự án thành phần thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và các chính sách giảm nghèo chung như tín dụng ưu đãi, dạy nghề, tạo việc làm, hỗ trợ về giáo dục và đào tạo,

hỗ trợ về y tế, hỗ trợ về nhà ở, trợ giúp pháp lý, hỗ trợ người nghèo hưởng thụ văn hóa, thông tin và các chính sách an sinh xã hội khác...

**4.** Tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện chính sách đưa người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài vì đây là con đường ngắn nhất để thoát nghèo bền vững và vươn lên làm giàu chính đáng.

**5.** Các cơ quan, ban, ngành, đơn vị tiếp tục huy động đóng góp của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và huy động các nguồn lực hợp pháp khác để tiếp tục hỗ trợ có hiệu quả cho hộ nghèo, hộ cận nghèo nhằm thoát nghèo bền vững, tiếp cận đầy đủ các dịch vụ xã hội cơ bản.

**6.** Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và có các giải pháp quyết liệt, bằng những việc làm thiết thực để không còn các hộ có thành viên thuộc đối tượng chính sách người có công với cách mạng thuộc diện hộ nghèo. Phấn đấu đến cuối năm 2020, 100% hộ gia đình người có công với cách mạng có mức sống bằng hoặc cao hơn mức sống trung bình của cộng đồng dân cư nơi cư trú.

## **V. KINH PHÍ**

Kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2020 từ ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương và huy động các nguồn lực hợp pháp khác.

## **VI. PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ**

### **1. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội**

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, ban, ngành, địa phương liên quan thực hiện các dự án, nội dung được phân công.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, ban, ngành, địa phương tham mưu UBND huyện tổ chức đánh giá, tổng kết 05 năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 và xây dựng, định hướng kế hoạch cho giai đoạn 2021-2025.

### **2. Phòng Kinh tế và Hạ tầng:**

- Căn cứ vào định mức, tiêu chí được duyệt, chủ trì, phối hợp với Phòng Tài chính - Kế hoạch, Phòng Lao động-Thương binh và Xã hội, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn lập kế hoạch lồng ghép các chương trình, dự án trình UBND huyện phân bổ nguồn lực giảm nghèo.

- Chủ trì, phối hợp các cơ quan, ban, ngành liên quan thực hiện chính sách hỗ trợ nhà ở phòng, tránh bão, lụt trên địa bàn huyện.

- Chủ trì thực hiện các chính sách liên quan nhằm giảm tỷ lệ thiếu hụt về nhà ở cho các hộ nghèo, hộ cận nghèo với hai tiêu chí được xác định là “chất lượng nhà ở” và “diện tích nhà ở”.

### **3. Phòng Tài Chính - Kế hoạch**

Hướng dẫn và bố trí vốn thực hiện chương trình, dự án và chính sách giảm nghèo theo quy định về phân cấp quản lý ngân sách nhà nước hiện hành; hướng

dẫn quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững.

#### **4. Phòng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn**

- Thực hiện Chương trình khuyến nông - lâm - ngư, hỗ trợ xây dựng các mô hình chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, mô hình sản xuất chuyên canh tập trung theo hướng sản xuất hàng hóa để người nghèo dễ tiếp cận và tham gia; hỗ trợ các hộ nghèo, cận nghèo và gia đình chính sách xây dựng chuồng trại chăn nuôi hợp vệ sinh; hướng dẫn, chỉ đạo, ưu tiên nguồn lực từ Chương trình xây dựng nông thôn mới đầu tư cho các xã có tỷ lệ hộ nghèo cao.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, ban, ngành, địa phương liên quan thực hiện các dự án thành phần được phân công, bao gồm: Hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế thuộc Tiểu dự án 3 (Dự án 1- Chương trình 30a): hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; Tiểu dự án 2 (Dự án 2 - Chương trình 135): hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu, các thôn, bản đặc biệt khó khăn và Dự án 3: hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn các xã ngoài Chương trình 30a và Chương trình 135.

#### **5. Phòng Y tế ; Trung tâm Y tế:**

- Chủ trì, phối hợp các cơ quan, ban, ngành liên quan nghiên cứu tham mưu UBND huyện thực hiện chính sách hỗ trợ người nghèo, người cận nghèo trong khám, chữa bệnh;

- Thực hiện các chính sách liên quan nhằm giảm tỷ lệ thiếu hụt về y tế cho các hộ nghèo, hộ cận nghèo với hai tiêu chí được xác định là “tiếp cận các dịch vụ y tế” và “bảo hiểm y tế”.

#### **6. Phòng Giáo dục và Đào tạo:**

- Chủ trì, phối hợp các cơ quan, ban, ngành, địa phương liên quan thực hiện chính sách hỗ trợ học sinh, sinh viên nghèo; ưu tiên đầu tư cơ sở vật chất theo hướng đạt chuẩn cơ sở trường, lớp học ở các vùng nghèo.

- Chủ trì thực hiện các chính sách liên quan nhằm giảm tỷ lệ thiếu hụt về giáo dục cho các hộ nghèo, hộ cận nghèo với hai tiêu chí được xác định là “trình độ giáo dục của người lớn” và “tình trạng đi học của trẻ em”.

#### **7. Phòng Văn hoá và Thông tin; Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao huyện:**

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, ban, ngành liên quan thực hiện chính sách đưa văn hoá về cơ sở, ưu tiên hỗ trợ người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số tiếp cận văn hoá, thông tin, nhất là ở các địa bàn khó khăn.

- Chủ trì, phối hợp với Phòng Lao động-Thương binh và Xã hội, các cơ quan, ban, ngành, địa phương liên quan tổ chức thực hiện hoạt động giảm nghèo

về thông tin thuộc Dự án 4: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin.

- Tham mưu thực hiện các chính sách liên quan nhằm giảm tỷ lệ thiếu hụt về tiếp cận thông tin cho các hộ nghèo, hộ cận nghèo với hai tiêu chí được xác định là “sử dụng dịch vụ viễn thông” và “tài sản phục vụ tiếp cận thông tin”.

### **8. Phòng Tư pháp**

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, ban, ngành, địa phương liên quan thực hiện chính sách trợ giúp pháp lý cho người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số tại các thôn, bản đặc biệt khó khăn

### **9. Phòng Tài nguyên và Môi trường**

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, ban, ngành liên quan thực hiện chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất đối với hộ nghèo, người nghèo ở các xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn; đề xuất các giải pháp hạn chế tác động của biến đổi khí hậu.

### **10. Phòng Nội vụ**

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, ban, ngành liên quan nghiên cứu, tham mưu UBND huyện chính sách đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cơ sở ở các xã nghèo; hướng dẫn tiêu chí khen thưởng đối với hộ nghèo, xã, thôn có thành tích giảm nghèo bền vững.

- Chủ trì, phối hợp Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội triển khai, tổ chức thực hiện phong trào thi đua “cả nước chung tay vì người nghèo, không để ai bị bỏ lại phía sau” giai đoạn 2016-2020; phối hợp, tổ chức tổng kết và khen thưởng phong trào thi đua vào năm 2020 theo thẩm quyền.

### **11. Ban Chỉ huy quân sự huyện**

Xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình quân dân y kết hợp; mô hình giảm nghèo gắn với an ninh quốc phòng để hỗ trợ sản xuất, tạo thu nhập cho người nghèo; giúp dân xây dựng nếp sống mới, bảo đảm an ninh trật tự và an toàn xã hội trên địa bàn.

### **12. Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách Xã hội**

Chủ trì, phối hợp các cơ quan, ban, ngành liên quan thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng ưu đãi khác theo quy định.

### **13. Các cơ quan, đơn vị liên quan khác**

Tham mưu ban hành các cơ chế, chính sách theo chức năng, nhiệm vụ quản lý của mình để hỗ trợ giảm nghèo theo Kế hoạch này.

### **14. UBND các xã, thị trấn**

- Căn cứ định hướng của kế hoạch này, chủ động xây dựng các giải pháp giảm nghèo bền vững tại địa phương để triển khai thực hiện; xây dựng kế hoạch giảm nghèo bền vững cụ thể cho từng hộ nghèo, hộ cận nghèo để tổ chức triển khai thực hiện, giúp đỡ có hiệu quả.

- Tổ chức đánh giá, tổng kết 05 năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 và xây dựng kế hoạch, định hướng kế hoạch cho giai đoạn 2021-2025 trên từng địa bàn.

### **15. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện**

- Phát huy dân chủ ở cơ sở, tăng cường công tác giám sát đầu tư cộng đồng trong quá trình triển khai kế hoạch.

- Vận động các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp cùng chung tay hỗ trợ, chia sẻ để người nghèo vươn lên thoát nghèo và các phong trào thi đua “*Cả nước chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau*” gắn với cuộc vận động “*Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh*”.

- Huy động nguồn lực ngoài ngân sách nhà nước phục vụ công tác giảm nghèo như: vận động sự tài trợ của các tổ chức quốc tế, quỹ “*Vì người nghèo*”; vận động các tập đoàn kinh tế, tổng công ty, doanh nghiệp có tiềm lực để hỗ trợ các địa phương nghèo; đồng thời, đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả công tác kết nghĩa với các địa phương nghèo.

## **VII. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO**

**1.** Căn cứ nội dung nêu trên tại Kế hoạch này, các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể cấp huyện, các địa phương chủ động triển khai thực hiện; báo cáo UBND huyện (*qua Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội*) định kỳ **06 tháng trước ngày 20/5/2020; báo cáo tổng kết năm trước ngày 30/11/2020** về kết quả thực hiện.

**2.** Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội chịu trách nhiệm theo dõi, tổng hợp tình hình thực hiện Kế hoạch của các ngành, các địa phương. Định kỳ, tổng hợp báo cáo UBND huyện **06 tháng trước ngày 25/5/2020; báo cáo tổng kết năm trước ngày 05/12/2020**.

**3.** Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các đơn vị, địa phương kịp thời báo cáo về UBND huyện để chỉ đạo giải quyết./.

#### **Nơi nhận:**

- Sở LĐ-TB&XH;
- TV Huyện ủy;
- TT. HĐND huyện;
- Chủ tịch UBND huyện;
- Các đơn vị nêu tại mục VI;
- VP: LĐ, CV: VX;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Phan Công Mẫn**

**CHỈ TIÊU PHẦN ĐẦU GIẢM TỶ LỆ HỘ NGHÈO NĂM 2020**  
**THEO CHUẨN NGHÈO TIẾP CẬN ĐA CHIỀU GIAI ĐOẠN 2016-2020**

*(Kèm theo Kế hoạch số 1314 /KH-UBND ngày 20 tháng 3 năm 2020 của Ủy ban nhân dân huyện Phú Lộc)*

STT	Đơn vị	Kết quả rà soát năm 2019			Dự kiến số liệu giảm nghèo năm 2020				
		Tổng số hộ	Số hộ nghèo	Tỷ lệ (%)	Tổng số hộ	Số hộ nghèo giảm	Số hộ nghèo	Tỷ lệ (%)	Tỷ lệ nghèo giảm (%)
1	TT Phú Lộc	2.916	86	2,95	2.916	12	74	2,54	0,41
2	TT Lăng Cô	2.943	93	3,16	2.943	10	83	2,82	0,34
3	Lộc Bồn	3.400	91	2,68	3.400	45	46	1,35	1,32
4	Lộc Sơn	2.349	66	2,81	2.349	10	56	2,38	0,43
5	Xuân Lộc	718	50	6,96	718	10	40	5,57	1,39
6	Lộc AN	3.215	128	3,98	3.215	10	118	3,67	0,31
7	Lộc Hòa	849	43	5,06	849	4	39	4,59	0,47
8	Lộc Điền	3.626	130	3,59	3.626	10	120	3,31	0,28
9	Lộc Trì	2.109	121	5,74	2.109	10	111	5,26	0,47
10	Lộc Bình	577	58	10,1	577	7	51	8,8	1,21
11	Lộc Thủy	2.846	178	6,25	2.846	15	163	5,73	0,53
12	Lộc Tiến	2.508	135	5,38	2.508	10	125	4,98	0,40
13	Lộc Vĩnh	2.024	106	5,24	2.024	10	96	4,74	0,49
14	Vinh Hưng	2.056	100	4,86	2.056	15	85	4,13	0,73
15	Vinh Mỹ	1.502	87	5,79	1.502	15	72	4,79	1,00
16	Giang Hải	2.029	153	7,54	2.029	15	130	6,41	1,01
17	Vinh Hiền	2.521	178	7,06	2.521	20	158	6,27	0,79
<b>Toàn huyện</b>		<b>38.188</b>	<b>1.803</b>	<b>4,72</b>	<b>38.188</b>	<b>228</b>	<b>1.567</b>	<b>4,10</b>	<b>0,62</b>